

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

PGS. TSKH Trần Nguyễn Tuyên

Hội đồng Lý luận Trung ương

Nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Saudi Arabia.

Ngày nhận bài: 16/3/2022, ngày gửi phản biện: 25/3/2022, ngày duyệt đăng: 10/4/2022.

Tóm tắt: Nhân dịp kỷ niệm 131 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19/05/1890-19/05/2021), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đã có bài viết quan trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Trong bài viết, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam”.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, một xã hội XHCN như Tổng Bí thư khẳng định: “Sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm... đó là sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định quan điểm chiến lược phát triển nhanh và bền vững. Quan điểm này đã được bổ sung hoàn thiện trong quá trình đổi mới và được cuộc sống thực tiễn khẳng định là đúng đắn, khoa học.

Từ khóa: Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nhanh bền vững, công bằng, kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam.

1. Tổng quan:

Những vấn đề và mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, không phải là một chủ đề mới nhưng ngày càng cấp thiết mang tính toàn cầu, trở thành yêu cầu khách quan của sự phát triển và được các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm. Đây cũng là thách thức lớn đối với các quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, dưới tác động mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công

ng nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0). Các quốc gia đều xác định mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, từng bước giải quyết vấn đề này với các giải pháp và bước đi phù hợp với trình độ phát triển và điều kiện cụ thể của từng quốc gia.

Thế giới ngày nay của chúng ta hiện đang phải đối mặt với vô vàn thách thức như môi trường ngày càng bị ô nhiễm nghiêm trọng, tình trạng biến đổi khí hậu, nước biển dâng lên cùng với nguy cơ về

khủng hoảng lương thực, khủng hoảng năng lượng, khủng hoảng nguồn nước, khủng hoảng tài chính-kinh tế. Trong bối cảnh đó, nhiều quốc gia mong muốn tăng trưởng kinh tế nhanh, song lại thiếu quan tâm tới tác động của nó đối với môi trường sinh thái, do vậy vừa làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên vừa phải gánh chịu những hậu quả của sự phát triển tàn phá môi trường. Mặt khác, việc chỉ chú trọng phát triển kinh tế đơn thuần mà không quan tâm giải quyết đúng mực những vấn đề bình đẳng xã hội sẽ dẫn đến tình trạng gia tăng khoảng cách giàu nghèo, bất công xã hội, tạo nguy cơ gây mất ổn định chính trị-xã hội, dẫn đến khủng hoảng thể chế⁽¹⁾. Do vậy, phát triển công bằng, bền vững ngày càng trở thành mục tiêu quan trọng, xuyên suốt mà nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm hướng tới.

- Tiến bộ và công bằng xã hội là những khái niệm phản ánh trình độ phát triển của xã hội, phù hợp với quy luật vận động khách quan của lịch sử và nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của con người. Công bằng xã hội là một giá trị cơ bản định hướng cho việc giải quyết hài hòa quan hệ giữa người và người trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội theo nguyên tắc: công hiến về vật chất và tinh thần ngang nhau cho sự phát triển xã hội thì được hưởng thụ ngang nhau về những giá trị vật chất, tinh thần do xã hội tạo ra, phù hợp với điều kiện và khả năng cung ứng của mỗi quốc gia ở một thời kỳ, giai đoạn phát triển cụ thể.

Công bằng xã hội đòi hỏi nhận thức và giải quyết đúng đắn hai mối quan hệ cơ bản là: công hiến - hưởng thụ và nghĩa vụ - quyền lợi. Công bằng xã hội không đồng nghĩa với việc cào bằng, hoặc thực hiện chủ nghĩa bình quân, chia đều cho mọi người các nguồn lực và của cải do xã hội tạo ra mà phải

tính đến chất lượng, hiệu quả lao động và sự đóng góp của mỗi cá nhân cho sự phát triển cộng đồng. Công bằng xã hội được thực hiện chủ yếu thông qua phân phối nguồn lực, của cải xã hội; công bằng trong giáo dục, trong y tế theo nguyên tắc mọi người đều có quyền được học tập, học tập suốt đời; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên, do hoàn cảnh điều kiện, khả năng cụ thể của các cá nhân, cộng đồng trong xã hội rất khác nhau, nhất là những cá nhân, cộng đồng có nhiều khó khăn, yếu thế dễ bị tổn thương, vì vậy, việc tạo điều kiện để mọi người đều có cơ hội tiếp cận công bằng với các cơ hội phát triển, các nguồn lực phát triển, các dịch vụ cơ bản về việc làm, điện, nước sạch, nhà ở, giáo dục, y tế, thông tin... mang tính an sinh xã hội, đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện công bằng xã hội hiện nay.

Mặc dù chủ nghĩa tư bản ngày nay đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học-công nghệ, tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó, bộc lộ ở các cuộc khủng hoảng như cuộc khủng hoảng tài chính-kinh tế toàn cầu năm 2008-2009, và nhất là khủng hoảng kinh tế-xã hội dưới tác động của đại dịch Covid-19 hiện nay. Điều này cho thấy tính không bền vững về mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái, một xã hội mà giai cấp tư sản vì lợi nhuận đã bóc lột, chà đạp lên phẩm giá con người, phục vụ cho lợi ích của một nhóm thiểu số giàu có. Thực tế cho thấy các cuộc khủng hoảng hiện nay khó có thể được giải quyết một cách triệt để trong khuôn khổ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- *Khái niệm về phát triển bền vững* đã xuất hiện từ những năm đầu thập kỷ 80 thế

kỷ XX, được phổ biến rộng rãi vào cuối những năm 1980, với hàm ý tổng quát là sự phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu hiện tại nhưng không gây ra trở ngại cho việc đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ mai sau. Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển tại Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 đã thể hiện tinh thần toàn cầu cao độ và là bước khởi đầu cho các quốc gia cùng xây dựng và nhận thức đúng đắn về khái niệm “phát triển bền vững”. Đây là quá trình phải đảm bảo có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển là: Phát triển kinh tế phải gắn với giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Hội nghị này đã gửi đi một thông điệp rõ ràng tới tất cả các Chính phủ về sự cấp bách đẩy mạnh sự hòa hợp giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội cùng với bảo vệ môi trường.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhanh và bền vững

Ở Việt Nam, xuất phát điểm từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ lạc hậu, bị tàn phá nặng nề bởi sau hơn 30 năm chiến tranh, tụt hậu xa với khu vực và thế giới, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và điều kiện cụ thể của đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đổi mới đã lựa chọn chiến lược phát triển đất nước theo hướng nhanh và bền vững để thực hiện mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh*”. Điều này phù hợp với mục đích lý tưởng của Đảng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không vì mục đích tự thân, tôn chỉ của Đảng không có gì khác ngoài việc phụng sự và trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam: “*Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ*

quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”.⁽²⁾

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới được Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI năm 1986 đã mang lại những thành tựu to lớn, làm biến đổi sâu sắc đất nước trên các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội, con người. Trong đó phải kể đến những thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đi đôi và gắn kết với việc đẩy nhanh tiến bộ và thực hiện công bằng xã hội, phát triển bền vững. *Qua 35 năm đổi mới, quan điểm về phát triển công bằng, bền vững được Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển, không ngừng bổ sung và hoàn thiện qua các kỳ Đại hội Đảng.*

Nếu tại Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đưa ra quan điểm “*Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được*”⁽³⁾ thì tại Đại hội VII (năm 1991) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 xác định: “*Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững*”; “*Tăng trưởng kinh tế, gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường*”.

Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) đã nhấn mạnh bài học: “*Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái*. Đại hội IX (năm 2001), Đại hội X (năm 2006) Đảng ta, tiếp tục khẳng định quan điểm: “*Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*”.

Đại hội XI (năm 2011) của Đảng đã chỉ rõ: phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên

suốt trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2020 và rút ra bài học: “Phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. Tăng cường huy động, gắn với sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước”; “Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”⁽⁴⁾.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) Đảng ta đã tổng kết 30 năm đổi mới ở Việt Nam. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được và những vấn đề mới được đặt ra, Đảng ta đã tổng kết và đưa ra những bước phát triển mới về nhận thức, đã khẳng định: “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở bền vững kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. *Phát triển kinh tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.* Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước”⁽⁵⁾. “Phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc); *giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường*”⁽⁶⁾.

Cụ thể hóa những quan điểm của Đảng ta đã đưa ra tại Đại hội XII, Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (tháng 10/2016), về đổi mới mô hình tăng trưởng đã xác định “đổi mới mô hình tăng trưởng để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, *phát triển nhanh và bền vững toàn diện cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Không thúc đẩy tăng trưởng bằng mọi giá,*

gây tác động xấu đến ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm quốc phòng an ninh, tiến bộ công bằng xã hội, giữ gìn môi trường sinh thái”.

Nhằm cụ thể hóa nội dung, giải pháp thúc đẩy phát triển công bằng và bền vững, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII (tháng 6/2017), Đảng ta đã ban hành Nghị quyết về “hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, Nghị quyết về “tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”; Nghị quyết về “phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”. Trong đó xác định việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; xác định kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện hội nhập quốc tế. Xác định một mục tiêu quan trọng đến năm 2020 phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa nhằm “*bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững*”⁽⁷⁾.

Qua quá trình đổi mới, từ những thành tựu cũng như những hạn chế khuyết điểm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra một số bài học quan trọng, trong đó có bài học đầu tiên là: “Trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh

nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam”.⁽⁸⁾

Văn kiện Đại hội XIII (tháng 1/2021) trong bối cảnh mới đã chỉ rõ: “Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, *phát triển nhanh và bền vững đất nước*; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; đảm bảo quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”.⁽⁹⁾

Trong điều kiện mới, dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển rất nhanh, văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ những nội dung mới: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”. “Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số”.⁽¹⁰⁾

Trước những yêu cầu đòi hỏi mới của thực tiễn, Đại hội XIII đã bổ sung nhiều nhận thức, định hướng mới trong quan điểm về thể chế phát triển, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để thúc đẩy đổi mới sáng tạo,

chuyển đổi số, hình thành các mô hình kinh tế mới, phát triển các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 đã xác định: “Với cải cách nâng cao chất lượng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả, là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai. Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới. Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật kỷ cương. Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực của nền kinh tế”.⁽¹¹⁾

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển, *thực hiện tiến bộ công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển*, xác định một trong những mối quan hệ lớn cần tiếp tục quán triệt và xử lý tốt là quan hệ “*giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*”.

Như vậy nhận thức, quan điểm về phát triển nhanh và bền vững của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa có sự kế thừa nhận thức và xu hướng phát triển chung của thế giới vừa có sự vận dụng, bổ sung, phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trong điều kiện của Việt Nam, giữa phát triển công bằng và bền vững có mối quan hệ hữu cơ với nhau, tác động qua lại với nhau: công bằng xã hội là một tiêu chí bảo đảm và phản ánh

mức độ phát triển bền vững; ngược lại, phát triển bền vững là điều kiện có ý nghĩa nền tảng, bảo đảm thực hiện công bằng xã hội. Giải quyết hài hòa mối quan hệ này giữa phát triển công bằng và bền vững phản ánh tính ưu việt, chủ nghĩa nhân văn cao cả của chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đang xây dựng. Mặt khác, giữa phát triển nhanh và bền vững cũng có mối quan hệ biện chứng hữu cơ với nhau: Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo điều kiện, nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế – xã hội.

Phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam chú trọng thúc đẩy tăng trưởng bao trùm, tận dụng cơ hội lớn do kỷ nguyên số đem lại, đặt người dân vào trung tâm của phát triển, hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật theo tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau. Chính phủ Việt Nam chủ trương xây dựng chính phủ kiến tạo phát triển, chú trọng tăng trưởng bền vững bao trùm, khuyến khích tinh thần mạnh mẽ khởi nghiệp, sự năng động, sáng tạo, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, thực hiện chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp 4.0.

Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định các mục tiêu cụ thể những dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước trong các thập niên sắp tới:

- Đến năm 2025: là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030: là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: trở thành nước phát triển

thu nhập cao. (12)

3. Kết quả đạt được và hạn chế trong phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam

Triển khai chủ trương chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhanh và bền vững, qua 35 năm đổi mới (1986-2021), Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, thực hiện tốt mục tiêu Thiên niên kỷ, mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên Hợp quốc.

Đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện không ngừng, sự nghiệp xóa đói giảm nghèo đạt được kết quả rõ rệt và được thế giới thừa nhận, việc bảo vệ môi trường được quan tâm và có nhiều cải thiện, dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng, quốc phòng an ninh được giữ vững, chính trị xã hội ổn định. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, mỗi năm phải nhập cả triệu tấn lương thực, đến nay Việt Nam đã vươn lên thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, Việt Nam đã bước vào nhóm các nước có thu nhập bình quân đầu người vào mức trung bình của thế giới.

Năm 2020, theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, quy mô nền kinh tế Việt Nam nằm trong top 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới và đứng thứ 4 trong ASEAN. GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 3.500 USD (tính theo sức mua tương đương đạt khoảng 10.000 USD). Mặc dù chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, song Việt Nam vẫn nằm trong top 10 quốc gia tăng trưởng cao nhất thế giới (Là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới). Việt Nam là nền kinh tế mở với độ mở cao của thế giới

khoảng 200% GDP. Hiện nay về đối ngoại, Việt Nam có quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia; có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với trên 224 nước và vùng lãnh thổ; nước ta đã ký 15 Hiệp định FTA, có 16 đối tác chiến lược.

Trong thời gian qua, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có môi trường kinh tế vĩ mô, chính trị xã hội ổn định, thuận lợi. Năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 xếp thứ 67/141, tăng 10 bậc so với năm 2018. Về chỉ số phát triển con người và phát triển bền vững: Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam lọt vào nhóm các nước phát triển con người cao và xếp vào thứ 117/189 quốc gia (trong giai đoạn 1990-2019, giá trị HDI của Việt Nam đã tăng gần 46%).

Đúng như đánh giá của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng: “Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện. Những thành tựu đổi mới ở Việt Nam đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng XHCN không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ XHCN ở nước ta”.

Những kết quả đạt được này đã tạo nên không khí phấn khởi, khiến cho mọi người

dân thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang được nhân lên và lan rộng khắp cả nước.

Bên cạnh kết quả đạt được, Việt Nam cũng đang phải đối diện với những khó khăn thách thức to lớn trước yêu cầu đòi hỏi của sự phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới. Đó là nguy cơ tụt hậu xa hơn, nhất là về phát triển kinh tế so với các nước trên thế giới và trong khu vực. Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, thì tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trở thành vấn đề cấp bách của xã hội, sự cố ô nhiễm môi trường ở các tỉnh ven biển miền Trung do Công ty Formosa gây ra mấy năm trước đã để lại những hậu quả nặng nề. Cùng với tăng trưởng kinh tế, thu nhập của người dân về tổng thể ngày càng được cải thiện, mức sống được nâng dần lên ở cả thành thị lẫn nông thôn, tuy nhiên khoảng cách phân hóa giàu nghèo trong xã hội cũng tăng lên rõ rệt, các vấn đề xã hội tiêu cực cũng ngày càng gia tăng phức tạp...

Trong thời gian tới, để thực hiện quan điểm phát triển nhanh bền vững trong bối cảnh mới, Đảng ta đã xác định hãy khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Việt Nam phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

4. Một số bài học về thực hiện phát triển nhanh và bền vững qua thực tiễn đổi mới ở Việt Nam

Trong thời gian tới, thế giới và khu vực đang trong quá trình vận động phát triển với nhiều xu thế mới, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng mạnh mẽ, biến đổi khí hậu toàn cầu diễn biến ngày càng phức tạp, những nhân tố đó sẽ tác động to lớn đến phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam, đặt ra những thời cơ và thách thức to lớn mà Việt Nam phải giải quyết. Trong bối cảnh đó, từ những kết quả và hạn chế, có thể rút ra một số bài học để nâng cao hiệu quả thực hiện phát triển nhanh và bền vững như sau:

Một là, tiếp tục khẳng định phát triển nhanh và bền vững là chiến lược phát triển đúng đắn cần phải kiên quyết, kiên trì thực hiện. Muốn vậy cần đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, coi trọng tổng kết thực tiễn, nhất là tìm ra những mô hình mới, kinh nghiệm hay; thường xuyên nghiên cứu dự báo những diễn biến, xu thế mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, giải pháp phát triển công bằng, bền vững. Trong đó cần chú trọng giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển công bằng với phát triển bền vững, giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, *đảm bảo để nhân dân được thụ hưởng ngày một tốt hơn những thành quả của công cuộc đổi mới theo nguyên tắc mọi người dân đều có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện.*

Trong xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, cần quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa; khắc phục xu

hướng gia tăng phân hóa giàu nghèo, đảm bảo sự ổn định, công bằng và phát triển xã hội bền vững. Cần hoàn thiện hệ thống chính sách về tiền lương, mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân, thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công, trợ giúp hiệu quả tầng lớp yếu thế dễ bị tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống. Đảm bảo công bằng, giảm chênh lệch trong tiếp cận chính sách chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo cơ hội tiếp cận bình đẳng về chăm sóc sức khỏe, hệ thống giáo dục cho người dân.

Đồng thời cần đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội và người dân về chiến lược, mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong thời gian tới.

Hai là, xây dựng hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách cho sự phát triển nhanh và bền vững, nhất là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế để phát triển công bằng, bền vững, gắn kết chặt chẽ tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng xây dựng hoàn thiện thể chế đồng thời với nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả thực hiện thể chế luật pháp, chính sách trong thực tiễn.

Ba là, quan điểm, mục tiêu phát triển nhanh và bền vững phải được quán triệt, lồng ghép trở thành nội dung của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của các bộ, ngành, địa phương nói riêng. Xây dựng ban hành các tiêu chí cụ thể về phát triển nhanh và bền vững trong các lĩnh vực kinh tế - xã

hội và môi trường. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển công bằng, bền vững của các cấp trên thực tế.

Bốn là, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trước yêu cầu đòi hỏi của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Năm là, phát huy mọi nguồn lực trong nước và ngoài nước để phát triển nhanh và bền vững, trong đó chú trọng phát huy nội lực, nhất là phát huy nguồn lực con người, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực của xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi để cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường tâm lý xã hội nhằm phát triển kinh tế tư nhân đúng hướng, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn lực bên ngoài như vốn, tri thức, công nghệ, kỹ năng quản lý và thị trường, trong đó có lực lượng Việt kiều để bổ sung cho nội lực trong quá trình phát triển công bằng, bền vững của đất nước.

Sáu là, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức. Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chống suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; “tự diễn biến, tự chuyển hóa”

trong nội bộ, “lợi ích nhóm” trong cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong tình hình mới.

Chú thích:

- (1) Theo Báo cáo gần đây của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), khoảng cách giàu nghèo trên toàn cầu có xu hướng gia tăng, thống kê cho thấy tài sản của 62 người tỷ phú trên thế giới cộng lại là bằng tổng số tài sản của một nửa dân số thế giới 3,6 tỷ người có thu nhập thấp (1.760 tỷ đôla). Ở Mỹ chỉ 1% dân số tỷ phú đang chiếm 22% tổng tài sản của xã hội.
- (2) Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, trang 289.
- (3) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, P.I, trang 40.
- (4) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, trang 21.
- (5) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, trang 270.
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, trang 87.
- (7) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, trang 104.
- (8) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, trang 69.
- (9) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 33-34.
- (10) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 214-215.
- (11) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 215.
- (12) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 215.

gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 36.